

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----\*\*\*-----



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ III NĂM 2018**

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

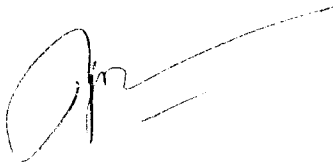
**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ III NĂM 2018**

*Toàn Công ty*

<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KỲ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ III NĂM 2018	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ III NĂM 2018	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ III NĂM 2018	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ III NĂM 2018	5-21

**NGƯỜI LẬP**

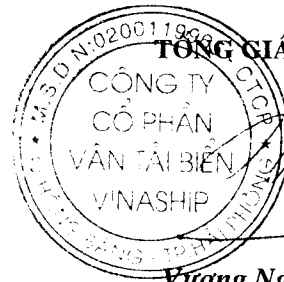


*Nguyễn Bảo Ngọc*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



*Trần Thị Thanh Hương*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Vương Ngọc Sơn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
QUÝ III NĂM 2018**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/09/2018 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2018 TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>143.462.598.507</b>	<b>150.723.958.235</b>
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				-
<b>I - Tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>24.034.675.633</b>	<b>25.000.672.722</b>
1 - Tiền	111		24.034.675.633	25.000.672.722
2 - Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>-</b>	<b>10.554.993.400</b>
3- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.554.993.400
<b>III - Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55.146.635.226</b>	<b>52.004.327.167</b>
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35.038.588.716	30.787.378.079
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.053.500.626	2.164.654.903
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.482.720.638	20.480.468.939
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(1.428.174.754)	(1.428.174.754)
<b>IV - Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>45.634.001.774</b>	<b>36.871.794.305</b>
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	45.634.001.774	36.871.794.305
2 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V - Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.647.285.874</b>	<b>26.292.170.641</b>
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	4.122.042.100	5.997.496.911
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.151.098.857	11.920.528.813
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	8.374.144.917	8.374.144.917
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>600.122.475.789</b>	<b>722.566.452.571</b>
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				-
<b>II - Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>580.968.964.048</b>	<b>682.569.274.452</b>
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	580.968.964.048	682.569.274.452
- Nguyên giá	222		1.534.680.583.020	1.663.840.530.254
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(953.711.618.972)	(981.271.255.802)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		238.654.500	238.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(238.654.500)	(238.654.500)
<b>III - Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.11	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		5.785.803.477	5.785.803.477
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(5.785.803.477)	(5.785.803.477)
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.7	<b>589.338.109</b>	<b>91.957.200</b>
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		589.338.109	91.957.200
<b>V - Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.304.061.205</b>	<b>4.417.446.100</b>
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	5.998.468.525	5.998.468.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.694.407.320)	(1.581.022.425)
<b>V - Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.260.112.427</b>	<b>35.487.774.819</b>
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	14.260.112.427	35.487.774.819
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>		<b>743.585.074.296</b>	<b>873.290.410.806</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

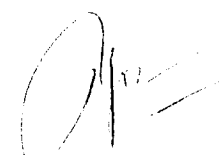
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2018 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2018 TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>		<b>727.264.478.614</b>	<b>871.718.056.209</b>
<b>I - Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>265.676.449.316</b>	<b>380.860.335.957</b>
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	.83.656.130.885	96.300.314.123
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		59.521.435	48.384.000
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.998.609.810	3.079.452.088
4 - Phải trả người lao động	314		8.954.710.397	7.484.675.435
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	590.940.266	1.528.921.235
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	2.290.561.206	18.592.374
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	34.275.820.283	42.344.266.376
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	129.783.010.934	226.622.086.226
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.067.144.100	3.433.644.100
<b>II - Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>461.588.029.298</b>	<b>490.857.720.252</b>
7 - Phải trả dài hạn khác	337		127.096.388.948	10.331.287.252
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	334.491.640.350	480.526.433.000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.320.595.682</b>	<b>1.572.354.597</b>
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.21	<b>16.320.595.682</b>	<b>1.572.354.597</b>
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(266.612.126.172)	(281.360.367.257)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(296.880.243.189)	(205.476.521.927)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.268.117.017	(75.883.845.330)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440 = 300 + 400 )</b>	<b>440</b>		<b>743.585.074.296</b>	<b>873.290.410.806</b>

Lập ngày 18 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

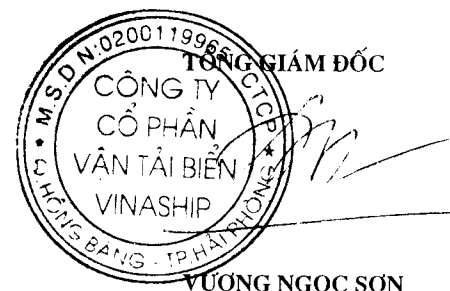


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



VƯƠNG NGỌC SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Mẫu số : B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
QUÝ III NĂM 2018**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ III NĂM 2018		LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			QUÝ III NĂM 2018	QUÝ III NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2017
			TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	187.798.610.124	140.937.169.231	549.266.303.331	393.690.103.449
2- Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10	VI.26	187.798.610.124	140.937.169.231	549.266.303.331	393.690.103.449
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	177.357.255.538	142.039.701.612	518.054.782.290	429.769.161.976
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ( 20 = 10 - 11 )	20		10.441.354.586	(1.102.532.381)	31.211.521.041	(36.079.058.527)
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	179.882.605	539.941.317	3.997.510.291	2.511.186.152
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	10.640.689.205	9.211.744.587	32.734.309.428	27.972.464.778
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		5.628.889.692	9.197.401.870	23.725.694.811	27.824.274.756
8 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	3.212.060.948	2.642.265.607	8.760.049.021	7.466.864.940
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	5.892.535.407	5.679.244.428	16.429.259.506	17.471.733.263
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.124.048.369)	(18.095.845.686)	(22.714.586.623)	(86.478.935.356)
30 = 20 + ( 21 - 22 ) - ( 24 + 25 )					-	-
11 - Thu nhập khác	31	VI.30	49.000.001.317	102.084	49.000.188.825	156.531.211
12 - Chi phí khác	32	VI.31	9.607.835.931	18.182	11.537.361.117	209.260.545
13 - Lợi nhuận khác ( 40 = 31- 32 )	40		39.392.165.386	83.902	37.462.827.708	(52.729.334)
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50= 30 + 40 )	50		30.268.117.017	(18.095.761.784)	14.748.241.085	(86.531.664.690)
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 60 = 50 - 51-52 )	60		30.268.117.017	(18.095.761.784)	14.748.241.085	(86.531.664.690)
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.513	(905)	737	4.327
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.513	(905)	737	4.327

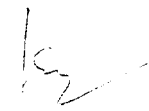
Lập ngày 18 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP

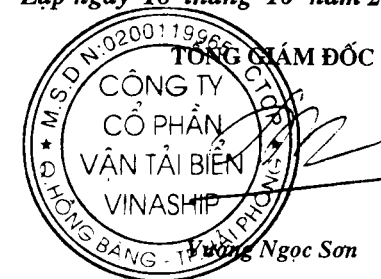


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Nguyễn Ngọc Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Mẫu số : B03 -DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

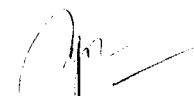
( Theo phương pháp trực tiếp)

**QUÝ III NĂM 2018**

Đơn vị tính : đồng

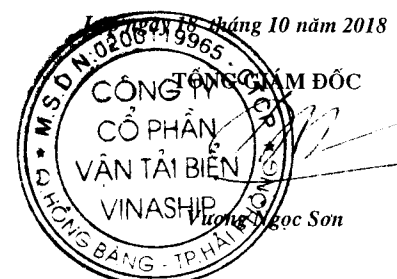
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế 09 tháng	
			NĂM 2018	NĂM 2017
1	2	3	4	5
<b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		555.032.979.074	410.415.063.993
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(415.505.455.098)	(324.721.451.231)
3 - Tiền chi trả cho người lao động	03		(55.348.609.479)	(54.930.441.076)
4 - Tiền chi trả lãi vay	04		(1.834.233.806)	(7.735.972.162)
5 - Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		21.671.314.271	18.054.013.935
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(36.499.446.430)	(30.529.645.182)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>67.516.548.532</b>	<b>10.551.568.277</b>
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.285.330.909)	(4.465.000)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		23.777.662.500	199.500.000
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.554.993.400	20.883.747.596
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.000.000.000)
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		831.958.285	40.905.918
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>33.879.283.276</b>	<b>20.119.688.514</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII	1.940.000.000	97.983.292.003
4 - Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII	(104.370.000.000)	(120.435.141.344)
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(102.430.000.000)</b>	<b>(22.455.749.341)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ ( 50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.034.168.192)</b>	<b>8.215.507.450</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>25.000.672.722</b>	<b>13.880.027.622</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		68.171.103	93.818
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ ( 70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>24.034.675.633</b>	<b>22.095.628.890</b>

NGƯỜI LẬP

  
Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

  
Trần Thị Thanh Hương



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

---

Mẫu số B09-DN

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY III NĂM 2018**

#### **I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

##### **1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51%**

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam
- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2018, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng .

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN dịch vụ vận tải tại số địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

XN xếp dỡ vận tải và dịch vụ tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2018, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 517 người.

##### **2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển**

##### **3- Ngành nghề kinh doanh :**

- Kinh doanh vận tải biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;
- Dịch vụ hợp tác lao động ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

---

### **4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý III năm 2018 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :**

Trong quý 3 năm 2018, mặt bằng giá cước các mặt hàng nhìn chung đều suy giảm, nhu cầu vận chuyển của các nhóm hàng giá cước cao như hàng gạo, phân bón, sắt thép cũng giảm đi, đội tàu của Công ty buộc phải quay trở lại vận chuyển các nhóm hàng nguyên liệu giá trị thấp với giá cước thấp hơn nhiều. Do vậy, doanh thu vận tải biển quý 3 có sự suy giảm, đồng thời chi phí nhiên liệu tăng mạnh trong quý 3, khiến chi phí cho đội tàu vẫn cao.

Công ty đã hoàn thành tái cơ cấu nợ tại một số tổ chức tín dụng để cải thiện tình hình tài chính.

### **II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :**

- 1- Kỳ kế toán năm :** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý III năm 2018 bắt đầu từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

### **III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

**1- Chế độ kế toán áp dụng :** Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :**

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

#### **3- Hình thức kế toán áp dụng :**

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

### **IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

---

trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

### 2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT/BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

### 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

### 4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

### 5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

---

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

#### **6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :**

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

#### **7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :**

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan.

#### **8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :**

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

- Trích trước chi phí sửa chữa lớn : Công ty trích chi phí sửa chữa lớn cho đội tàu biển của Công ty. Công ty xây dựng dự tính mức chi phí sửa chữa 1 lần lên đà ( 2,5 năm 1 lần). Sau đó tính trích chi phí sửa chữa cho 1 năm. Sau 3 năm sẽ quyết toán số chi phí sửa chữa lớn đã trích và số thực tế đã phát sinh. Theo chu kỳ mới, năm 2016 công ty bắt đầu trích sửa chữa lớn đội tàu và quyết toán vào năm 2018.

#### **10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

---

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí, thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

#### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :**

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng hoặc xuất hoá đơn bán hàng , được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

#### **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :**

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :** theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

**14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :**

	<u>Toàn Công ty</u> <u>Ngày 30/09/2018</u>	<u>Toàn Công ty</u> <u>Ngày 01/01/2018</u>
<b>1- Tiền</b>		
- Tiền mặt	439.657.870	1.405.297.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.595.017.763	23.595.375.722
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>24.034.675.633</u></u>	<u><u>25.000.672.722</u></u>
<b>2- Các khoản đầu tư tài chính</b>	<u>Ngày 30/09/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	-	<b>10.554.993.400</b>
b1) Ngắn hạn	-	10.554.993.400
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	10.554.993.400
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>5.998.468.525</b>	<b>5.998.468.525</b>
- Đầu tư cổ phiếu	5.998.468.525	5.998.468.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/09/2018</i>		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 516.553 CP	4.185.040.000	4.185.040.000
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	1.276.000.000	1.276.000.000
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
<b>Cộng</b>	<u><u>5.998.468.525</u></u>	<u><u>5.998.468.525</u></u>
<b>3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<u>Ngày 30/09/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
- EOL Shipping Ltd	-	6.048.666.450
- Công ty CP thương mại NCL	6.877.912.524	178.928.067
- Công ty TNHH VT hàng công nghệ cao tại HP (Transvina)	2.249.365.021	1.170.531.271
- Cty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	6.611.854.417	
- Cty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	2.766.270.056	
- Công ty TNHH giao nhận Hoàng Kim Phát	1.204.934.000	1.575.328.000
- Công ty TNHH thương mại vận tải Việt Dũng	755.284.500	881.590.000
- Cty TNHH đầu tư phát triển quốc tế Sơn Hà	268.554.000	4.338.704.000
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	14.304.414.198	16.593.630.291
<b>Cộng</b>	<u><u>35.038.588.716</u></u>	<u><u>30.787.378.079</u></u>
<b>4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<u>Ngày 30/09/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
- Tạm ứng	5.856.529.386	6.473.053.920
- Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	1.329.570.331	1.870.108.504

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**Mẫu số B 09-DN**

- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Bảo hiểm xã hội	741.360.219	2.582.762.034
- Bảo hiểm thất nghiệp	117.025.291	116.950.361
- Các khoản chi hộ	1.146.836.481	1.184.094.566
- Các khoản phải thu khác	938.911.356	911.011.980
+ Phải thu khác	938.911.356	911.011.980
- Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>17.482.720.638</u></b>	<b><u>20.480.468.939</u></b>
<b>5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b><u>Ngày 30/09/2018</u></b>	<b><u>Ngày 01/01/2018</u></b>
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.428.174.754</u></b>	<b><u>1.428.174.754</u></b>
<b>6- Hàng tồn kho</b>	<b><u>Ngày 30/09/2018</u></b>	<b><u>Ngày 01/01/2018</u></b>
- Nguyên liệu, vật liệu	43.602.403.984	36.687.394.164
- Chi phí dịch vụ dở dang	1.770.579.874	
- Hàng hoá	261.017.916	184.400.141
<b>Cộng</b>	<b><u>45.634.001.774</u></b>	<b><u>36.871.794.305</u></b>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b><u>Ngày 30/09/2018</u></b>	<b><u>Ngày 01/01/2018</u></b>
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Phí khảo sát, lập trích lục địa chính	50.741.818	-
+ Phí tư vấn khảo sát địa chất lập dự án	446.639.091	
<b>Cộng</b>	<b><u>589.338.109</u></b>	<b><u>91.957.200</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Phường Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**8- Tăng , giảm tài sản cố định hữu hình 09 tháng năm 2018**

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
<b>I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ</b>						
1 . Số dư đầu kỳ		24.809.967.875	1.638.565.655.436	130.752.694	334.154.249	1.663.840.530.254
2 . Số tăng trong kỳ		47.950.000	550.000.000	-	-	597.950.000
Trong đó :						
- Do mua sắm		47.950.000	550.000.000			597.950.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
3 . Số giảm trong kỳ		-	129.757.897.234	-	-	129.757.897.234
Trong đó :						
- Thanh lý, nhượng bán			129.757.897.234			129.757.897.234
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Bàn giao nhà cho TP xây cầu theo dự án						-
4 . Số cuối kỳ		24.857.917.875	1.509.357.758.202	130.752.694	334.154.249	1.534.680.583.020
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.713.597.924	67.333.155.870	100.752.694	284.881.522	71.432.388.010
- Chờ thanh lý						
<b>II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ</b>						
1 . Đầu kỳ		14.249.300.513	966.597.579.629	107.043.019	317.332.641	981.271.255.802
2 . Tăng trong kỳ		761.547.782	70.263.691.540	3.214.287	9.238.635	71.037.692.244
- Khấu hao		761.547.782	70.263.691.540	3.214.287	9.238.635	71.037.692.244
- Chuyển từ BĐS đầu tư sang						-
3 . Giảm trong kỳ		-	98.597.329.074	-	-	98.597.329.074
- Thanh lý, nhượng bán			98.597.329.074			98.597.329.074
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Bàn giao nhà cho TP xây cầu theo dự án						
4 . Số cuối kỳ		15.010.848.295	938.263.942.095	110.257.306	326.571.276	953.711.618.972
<b>III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
1 . Đầu kỳ		10.560.667.362	671.968.075.807	23.709.675	16.821.608	682.569.274.452
2 . Cuối kỳ		9.847.069.580	571.093.816.107	20.495.388	7.582.973	580.968.964.048
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			568.756.664.721			568.756.664.721

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**9- Tăng , giảm tài sản cố định vô hình 09 tháng năm 2018 :**

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHÂN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
<b>I - Nguyên giá</b>			
1 . Số dư đầu năm	-	238.654.500	238.654.500
2 . Số tăng trong năm	-	-	-
3 . Số giảm trong năm	-	-	-
Trong đó :			
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Chuyển sang CCDC theo TT45			-
4 . Số dư cuối năm	-	238.654.500	238.654.500
<b>II - Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1 . Số dư đầu năm	-	238.654.500	238.654.500
2 . Số tăng trong năm	-	-	-
- Do trích khấu hao		-	-
3 . Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			-
4 . Số cuối năm	-	238.654.500	238.654.500
<b>III - Giá trị còn lại</b>			
1 . Số dư đầu năm	-	-	-
4 . Số dư cuối năm	-	-	-

**10 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính 09 tháng năm 2018 : Không có****11 - Tăng , giảm bất động sản đầu tư 09 tháng năm 2018:**

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIÊN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
<b>I - Nguyên giá</b>			
1 . Số dư đầu năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
2 . Số tăng trong năm	-	-	-
3 . Số giảm trong năm	-	-	-
Trong đó :			
- Thanh lý, nhượng bán			-
4 . Số dư cuối năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
<b>II - Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1 . Số dư đầu năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
2 . Số tăng trong năm	-	-	-
- Do trích khấu hao			-
3 . Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			-
4 . Số cuối năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
<b>III - Giá trị còn lại</b>			
1 . Số dư đầu năm	-	-	-
4 . Số dư cuối năm	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

	Toàn Công ty Ngày 30/09/2018	Toàn Công ty Ngày 01/01/2018
<b>12- Chi phí trả trước</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm	4.027.873.870	4.596.808.190
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	94.168.230	1.400.688.721
<b>Cộng</b>	<b>4.122.042.100</b>	<b>5.997.496.911</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	14.260.112.427	35.487.774.819
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.260.112.427</b>	<b>35.487.774.819</b>
<b>14- Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>Ngày 30/09/2018</b>	<b>Ngày 01/01/2018</b>
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>24.300.000.000</b>	<b>94.323.834.567</b>
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng TMCP hàng hải	-	69.593.834.567
+ Vay cá nhân	24.300.000.000	24.730.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>439.974.651.284</b>	<b>612.824.684.659</b>
- <b>Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống</b>	<b>105.483.010.934</b>	<b>132.298.251.659</b>
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	7.105.000.000	-
+ Vay Ngân hàng TMCP hàng hải	-	85.098.143.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	37.539.650.584	27.730.388.659
+ Vay Ngân hàng TMCP công thương Việt nam - CN Lê Chân	-	19.469.720.000
+ Nợ dài hạn đến hạn trả DATC	60.838.360.350	-
+ Vay khác	-	-
- <b>Kỳ hạn từ 01 năm trở lên</b>	<b>334.491.640.350</b>	<b>480.526.433.000</b>
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	94.780.450.000	101.885.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP hàng hải	-	73.746.113.500
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	179.122.830.000	183.548.020.000
+ Vay Ngân hàng TMCP công thương Việt nam - CN Lê Chân	-	121.346.849.500
+ Nợ dài hạn DATC	60.588.360.350	-
<b>Cộng</b>	<b>464.274.651.284</b>	<b>707.148.519.226</b>
<b>15- Phải trả người bán</b>	<b>Ngày 30/09/2018</b>	<b>Ngày 01/01/2018</b>
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
BMS United Bunkers (Asia) Pte Ltd	-	5.259.585.643
Glander International	2.333.358.150	12.981.026.400
Cockett Marine Oil	7.020.959.315	12.722.554.949
KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	6.922.543.405	11.987.679.011
Bunkers Marine Pte Ltd	3.658.372.984	-
Cty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	18.435.010.900	574.000.000
Phải trả các đối tượng khác	45.285.886.131	52.775.468.120
<b>Cộng</b>	<b>83.656.130.885</b>	<b>96.300.314.123</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

	<u>Ngày 30/09/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
<b>16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
<b>a) Phải nộp</b>		
- Thuế GTGT hàng nội địa	2.972.733.656	3.048.770.380
- Thuế thu nhập cá nhân	25.876.154	30.681.708
<b>Cộng</b>	<b><u>2.998.609.810</u></b>	<b><u>3.079.452.088</u></b>
<b>b) Phải thu</b>		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	8.374.144.917	8.374.144.917
<b>Cộng</b>	<b><u>8.374.144.917</u></b>	<b><u>8.374.144.917</u></b>
<b>17- Chi phí phải trả</b>	<u>Ngày 30/09/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí phải trả lãi vay	169.980.490	911.325.295
- Chi phí phải trả khác	420.959.776	617.595.940
	<b><u>590.940.266</u></b>	<b><u>1.528.921.235</u></b>
<b>18- Phải trả khác</b>	<u>Ngày 30/09/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công đoàn phí	817.012.171	605.556.858
- Kinh phí công đoàn	1.668.550.095	2.194.182.623
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	91.040.280	101.907.505
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Bảo hiểm ốm đau thai sản	45.198.434	36.149.563
- Thuế TNCN	107.837.388	158.023.682
- Phải trả về cổ phần hóa	2.001.379.706	2.201.379.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.025.305.000	10.025.305.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	3.049.226.891	3.274.713.038
- Phải trả Cty TNHH MTV quản lý và kinh doanh nhà HP	-	856.001.000
- Phải trả lãi vay công ty mua bán nợ VN (DATC)	3.463.587.268	-
- Phải trả lãi vay các ngân hàng TMCP	5.629.476.129	15.466.011.433
- Khoản thu đòi bồi thường đi đời trụ sở	6.345.004.007	6.361.325.107
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.032.202.914	1.063.710.861
<b>Cộng</b>	<b><u>34.275.820.283</u></b>	<b><u>42.344.266.376</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	15.444.718.216	10.331.287.252
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	111.651.670.732	-
<b>Cộng</b>	<b><u>127.096.388.948</u></b>	<b><u>10.331.287.252</u></b>
<b>19- Doanh thu chưa thực hiện</b>	<u>Ngày 30/09/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước	2.290.561.206	18.592.374
<b>Cộng</b>	<b><u>2.290.561.206</u></b>	<b><u>18.592.374</u></b>

20- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :****a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 09 tháng năm 2018**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(205.476.521.927)	77.456.199.927
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lỗ năm 2017				(75.883.845.330)	(75.883.845.330)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(281.360.367.257)	1.572.354.597
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(281.360.367.257)	1.572.354.597
- Lỗ Quý I năm 2018				(14.135.879.825)	(14.135.879.825)
- Lỗ Quý II năm 2018				(1.383.996.107)	(1.383.996.107)
- Lãi Quý III năm 2018				30.268.117.017	30.268.117.017
Số dư cuối ngày 30/09/2018	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(266.612.126.172)	16.320.595.682

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

	Toàn Công ty Ngày 30/09/2018	Toàn Công ty Ngày 01/01/2018
<b>b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:</b>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VDL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông Nguyễn Quang Dũng 5%	10.003.500.000	10.003.500.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 44% VDL	87.996.500.000	87.996.500.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
<b>c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :</b>		
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu ( nguồn vốn kinh doanh)</b>	<b>09 tháng năm 2018</b>	<b>09 tháng năm 2017</b>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	-	-
	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Ngày 30/09/2018</b>	<b>Ngày 01/01/2018</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
<b>d) Cổ tức</b>		
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp :</b>		
<b>- Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>09 tháng năm 2018</b>	<b>09 tháng năm 2017</b>
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	-	-
+ Số dư quỹ cuối năm	<b>82.932.721.854</b>	<b>82.932.721.854</b>
<b>23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán</b>	<b>Ngày 30/09/2018</b>	<b>Ngày 01/01/2018</b>
<b>a) Ngoại tệ các loại</b>		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	732.567,21	426.516,66
<b>b) Nợ khó đòi đã xử lý</b>		
- Phải thu khách hàng	303.509.700	303.509.700

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :**

<b>24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV ( MS 01)</b>	<b>09 tháng Năm 2018</b>	<b>09 tháng Năm 2017</b>
	<b>Toàn Công ty</b>	<b>Toàn Công ty</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	549.266.303.331	393.690.103.449
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu bán hàng	2.933.452.529	3.712.489.430
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	546.332.850.802	389.977.614.019
<b>26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)</b>	<b>549.266.303.331</b>	<b>393.690.103.449</b>
<b>27- Giá vốn hàng bán ( Mã số 11)</b>	<b>09 tháng Năm 2018</b>	<b>09 tháng Năm 2017</b>
	<b>Toàn Công ty</b>	<b>Toàn Công ty</b>
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	2.750.299.855	3.495.933.591
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	515.304.482.435	426.273.228.385
<b>Cộng</b>	<b>518.054.782.290</b>	<b>429.769.161.976</b>
<b>28- Doanh thu hoạt động tài chính ( Mã số 21)</b>	<b>09 tháng Năm 2018</b>	<b>09 tháng Năm 2017</b>
	<b>Toàn Công ty</b>	<b>Toàn Công ty</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	791.958.285	879.061.712
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.205.552.006	721.850.891
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	910.273.549
<b>Cộng</b>	<b>3.997.510.291</b>	<b>2.511.186.152</b>
<b>29- Chi phí tài chính ( Mã số 22)</b>	<b>09 tháng Năm 2018</b>	<b>09 tháng Năm 2017</b>
	<b>Toàn Công ty</b>	<b>Toàn Công ty</b>
- Chi phí lãi vay	23.725.694.811	27.824.274.756
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.167.170.565	217.706.574
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	5.727.831.790	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	113.384.895	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	(69.858.850)
- Chi phí tài chính khác	227.367	342.298
<b>Cộng</b>	<b>32.734.309.428</b>	<b>27.972.464.778</b>
<b>30- Thu nhập khác</b>	<b>09 tháng Năm 2018</b>	<b>09 tháng Năm 2017</b>
	<b>Toàn Công ty</b>	<b>Toàn Công ty</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	156.363.636
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản khác	49.000.188.825	167.575
<b>Cộng</b>	<b>49.000.188.825</b>	<b>156.531.211</b>
<b>31- Chi phí khác</b>	<b>09 tháng Năm 2018</b>	<b>09 tháng Năm 2017</b>
	<b>Toàn Công ty</b>	<b>Toàn Công ty</b>
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9.667.127.342	-
- Phạt chậm nộp BHXH	1.848.118.899	-
- Các khoản bị phạt	2.100.000	-
- Các khoản khác	20.014.876	209.260.545
<b>Cộng</b>	<b>11.537.361.117</b>	<b>209.260.545</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	09 tháng Năm 2018	09 tháng Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
a) Chi phí bán hàng	8.760.049.021	7.466.864.940
Hoa hồng phí cho các tàu	8.760.049.021	7.466.864.940
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.429.259.506	17.471.733.263
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	720.155.958	693.030.164
Chi phí nhân công	11.376.200.352	11.941.283.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.527.689	293.531.973
Thuế, phí, lệ phí	26.082.000	6.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí hoàn nhập dự phòng	-	(53.600.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.062.334.332	3.309.841.913
Chi phí khác bằng tiền	1.001.959.175	1.281.645.947
<b>Cộng</b>	<b>25.189.308.527</b>	<b>24.938.598.203</b>

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :	09 tháng Năm 2018	09 tháng Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	193.225.633.871	144.271.413.066
- Nhiên liệu	159.061.530.394	114.321.716.480
- Nguyên liệu, vật liệu	34.164.103.477	29.949.696.586
33.2- Chi phí nhân công	64.507.924.623	60.121.967.292
- Tiền lương	53.507.363.280	48.280.760.716
- BHXH	4.256.955.852	4.599.646.583
- Bảo hiểm y tế	476.929.006	493.808.139
- Bảo hiểm thất nghiệp	243.450.835	258.629.452
- Kinh phí công đoàn	486.179.650	514.594.052
- Tiền ăn ca, định lượng	5.537.046.000	5.974.528.350
33.3- Chi phí trích lập dự phòng	-	(53.600.000)
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.037.692.244	73.218.985.620
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.595.822.749	172.379.871.426
33.6- Chi phí khác bằng tiền	5.927.999.349	4.769.122.775
<b>Cộng</b>	<b>542.295.072.836</b>	<b>454.707.760.179</b>

**VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ :**

	09 tháng Năm 2018	09 tháng Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	1.940.000.000	97.983.292.003
- Tiền thu từ đi vay	1.940.000.000	97.983.292.003
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	104.370.000.000	120.435.141.344
- Tiền trả nợ gốc vay	104.370.000.000	120.435.141.344

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý III năm 2018 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**VIII- Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :**

Các hoạt động	Quý III năm 2018	09 tháng năm 2018	Quý III năm 2017	09 tháng năm 2017
<b>Vận tải biển</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	152.574.206.581	464.267.524.442	116.892.038.105	321.400.722.563
- Chi phí	152.423.387.549	460.271.014.181	127.253.876.869	384.610.189.853
- Lợi nhuận	150.819.032	3.996.510.261	(10.361.838.764)	(63.209.467.290)
<b>Thuê tàu biển</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	10.338.037.727	-	-
- Chi phí	-	9.902.322.000	-	-
- Lợi nhuận	-	435.715.727	-	-
<b>Hoạt động xếp dỡ giao nhận container</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	6.586.164.541	16.357.491.618	3.833.236.957	10.215.170.676
- Chi phí	6.336.758.012	15.829.118.688	3.711.230.504	9.849.333.068
- Lợi nhuận	249.406.529	528.372.930	122.006.453	365.837.608
<b>Hoạt động DV nâng hạ Container</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	454.545	100.416.772	510.396.759	1.744.819.752
- Chi phí	98.017.410	476.318.149	808.612.957	3.570.330.308
- Lợi nhuận	(97.562.865)	(375.901.377)	(298.216.198)	(1.825.510.556)
<b>Hoạt động Đại lý tàu biển</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	9.090.909	63.652.998	-	23.636.363
- Chi phí	(2.045.636)	7.558.117	-	8.086.363
- Lợi nhuận	11.136.545	56.094.881	-	15.550.000
<b>Đại lý giao nhận, vận tải hàng Cont</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	4.184.351.907	13.567.755.270	13.246.808.480	41.422.438.491
- Chi phí	4.219.328.778	14.414.452.601	13.016.926.745	41.697.632.462
- Lợi nhuận	(34.976.871)	(846.697.331)	229.881.735	(275.193.971)
<b>Hoạt động cho thuê văn phòng và nhà làm việc</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	429.724.638	1.353.096.610	450.570.151	1.653.516.415
- Chi phí	-	108.877.000	-	73.656.000
- Lợi nhuận	429.724.638	1.244.219.610	450.570.151	1.579.860.415
<b>Hoạt động thương mại</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.100.773.374	2.933.452.529	1.449.674.089	3.712.489.430
- Chi phí	1.046.960.709	2.750.299.855	1.405.835.314	3.495.933.591
- Lợi nhuận	53.812.665	183.152.674	43.838.775	216.555.839
<b>Hoạt động dịch vụ vận tải hàng rời (BQL)</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	20.679.213.311	32.998.113.135	-	-
- Chi phí	20.175.523.169	32.330.938.517	-	-
- Lợi nhuận	503.690.142	667.174.618	-	-

